TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DI LINH** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/KDTM-ST
Ngày 16 - 6 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH – TỈNH LÂM ĐỒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Sỹ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Thành Công, ông Vũ Văn Toán.

Thư ký phiên toà: Ông Thân Văn Đông – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện VKSND huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông K' Dem - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 01/2021/TLST- KDTM ngày 06 tháng 7 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST-KDTM ngày 10 tháng 5 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2022/QĐST-KDTM ngày 30/5/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Trung D– Chủ Doanh nghiệp tư nhân Thương mại X; địa chỉ: Số nhà 26, Thôn A, xã G, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đinh Văn S; địa chỉ: Số nhà 56, đường P, Tổ 15, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

- *Bị đơn:* Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai khoáng B; địa chỉ: Số nhà 43, đường T, Phường 1, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Thành Ph– Giám đốc công ty.

(Ông Đinh Văn S có mặt, các đương sự khác vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 17/02/2020 và lời khai trong quá trình tố tụng của nguyên đơn có nội dung: Ngày 27/7/2010, Doanh nghiệp Tư nhân Thương mại X (viết tắt là DNTN X) và Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai khoáng B có trụ sở tại Cụm công nghiệp G, Thôn 7, xã G, huyện D, tỉnh Lâm Đồng (viết tắt là Chi nhánh Công ty B) ký Hợp đồng bán lẻ xăng dầu số 03/HĐBL – 2010, theo đó Chi nhánh Công ty B thỏa thuận mua xăng, dầu của DNTN X theo giá quy định của Nhà nước tại thời điểm giao hàng, thời hạn thanh toán tối đa 40 ngày cho từng lô hàng kể từ ngày bên bán phát hành hóa đơn bán hàng cho bên mua, nếu bên mua chậm trả tiền thì phải chịu tiền lãi chậm trả theo lãi suất quá hạn của Phòng giao dịch G – Ngân hàng Nông nghiệp & và Phát triển nông thôn Chi nhánh D tương ứng với số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Ngày 12/9/2012, ông Võ Thành Ph đại diện Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai khoáng B, có trụ sở tại số 43, đường T, Phường 1, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (viết tắt là Công ty B) và DNTN X đã lập biên bản đối chiếu công nợ xác định: Tính đến hết ngày 27/10/2011, Công ty B còn nợ tiền mua nhiên liệu của DNTN X là 172.584.355 đồng, cam kết trả hết nợ vào ngày 30/9/2012, bên mua còn phải thêm tiền lãi trả chậm như hợp đồng đã ký.

Từ thời điểm chốt nợ đến ngày 28/01/2019, Công ty B đã trả được 03 lần với tổng số tiền 70.000.000 đồng, cụ thể: Ngày 13/02/2018 trả 30.000.000 đồng; ngày 30/8/2018 trả 20.000.000 đồng; ngày 28/01/2019 trả 20.000.000 đồng. Do Công ty B không tiếp tục trả khoản nợ còn lại nên ông Phạm Trung D là chủ DNTN X làm khởi kiện ghi ngày 17/02/2020, yêu cầu Công ty B trả số nợ gốc 172.584.355 đồng và tiền lãi tính trên số nợ gốc 172.584.355 đồng kể từ ngày chốt nợ 27/10/2011 đến ngày khởi kiện 17/02/2020 theo mức lãi suất 1,437%/tháng là 246.428.000 đồng tiền lãi, trừ đi số tiền đã trả 70.000.000 đồng vào tiền lãi, yêu cầu Công ty B trả số nợ gốc 172.584.355 đồng và tiền lãi còn nợ tính đến ngày 17/02/2020 là 176.428.000 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Công ty B đã trả thêm 05 lần với tổng số tiền 60.000.000 đồng, gồm: Ngày 20/7/2020 trả 20.000.000 đồng; ngày 12/12/2020 trả 10.000.000 đồng; ngày 21/01/2021 trả 10.000.000 đồng; ngày 20/4/2022 trả 10.000.0000 đồng, ngày 17/5/2022 trả 10.000.000 đồng. Nay yêu cầu Công ty B trả nợ gốc 172.584.000 đồng (làm tròn số) và lãi chậm trả theo mức lãi suất 10,3%/năm tương ứng

1,025%/tháng tính trên số nợ gốc 172.584.000 đồng kể từ ngày 27/10/2011 đến nay (làm tròn 27 tháng) với số tiền lãi 224.661.000 đồng, trừ đi số tiền 130.000.000 đồng đã trả vào khoản lãi nêu trên, yêu cầu Công ty B trả nợ gốc 172.584.000 đồng và số lãi còn nợ 94.661.000 đồng.

Chứng cứ chứng minh là bản chính Hợp đồng bán lẻ xăng dầu ký ngày 27/7/2010; bản chính Biên bản đối chiếu công nợ ký ngày 12/9/2012.

Trong quá trình tố tụng bị đơn Công ty B đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đề vắng mặt. Tại văn bản số 14/CV-BN ngày 19/7/2021 của Công ty B gửi Tòa án có nội dung: Công ty B đã nhận được Thông báo số 01/TB-TLVU ngày 06/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng. Do khó khăn vì ảnh hưởng của đại dịch Covid – 19, tính đến ngày 01/7/2021 Công ty B đã cố gắng xoay sở trả cho DNTN X được 110.000.000 đồng. Nay đề nghị khoanh nợ để hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua khó khăn, Công ty B cam kết sẽ thanh toán dứt điểm nợ gốc cho DNTN X chậm nhất đến hết ngày 31/12/2021. Tại văn bản số 02/CV-BN ngày 27/5/2022 của Công ty B gửi Tòa án. Công ty B xác định tính đến ngày 20/5/2022 đã trả cho DNTN X được 130.000.000 đồng. Nay đề nghị khoanh nợ để hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua khó khăn và cam kết sẽ thanh toán dứt điểm nợ cho DNTN X chậm nhất đến hết ngày 31/12/2022.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu và xem xét các tài liệu chứng cứ đã thu thập được thẩm tra tại phiên Tòa, ý kiến của các đương sự, của đại diện Viện kiểm sát và kết quả tranh luận tại phiên Tòa hôm nay. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn Công ty B đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Vì vậy cần áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng pháp luật.

[2] Về thẩm quyền: Tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng bán lẻ xăng dầu số 03/HĐBL – 2010 ngày 27/7/2010, giữa bên bán là DNTN X với bên mua là Chi nhánh Công ty B; trụ sở tại Cụm công nghiệp G, Thôn 7, xã G, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Ngày 12/9/2012, đại diện hợp pháp của Công ty B và chủ DNTN X đã lập biên bản đối chiếu công nợ, xác định khoản tiền bên mua hàng là Công ty B có trụ

sở tại số 43, đường T, Phường 1, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh còn nợ DNTN X tính đến ngày 27/10/2011 là 172.584.355 đồng. Do tranh chấp phát sinh từ hoạt động của chi nhánh tổ chức có trụ sở tại huyện Di Linh (chi nhánh của Công ty B trụ sở tại Cụm công nghiệp G, Thôn 7, xã G, huyện D, tỉnh Lâm Đồng), nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Di Linh là nơi có chi nhánh của Công ty B giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự

[3] Về nội dung tranh chấp:

Tại Điều 3 Hợp đồng bán lẻ xăng dầu số 03/HĐBL – 2010 ngày 27/7/2010 các ghi: *Bên mua thanh toán cho bên bán trong thời gian 40 ngày cho từng lô hàng kể từ ngày bên bán phát hành hóa đơn bán hàng cho bên mua. Trường hợp bên mua thanh toán tiền chậm hơn so với quy định trong hợp đồng, thì phải trả lãi suất chậm trả theo lãi suất quá hạn do Ngân hàng Nông nghiệp & và Phát triển nông thôn G quy định tương ứng với số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán*.

Theo Biên bản đối chiếu công nợ ký ngày 12/9/2012 giữa Công ty B và DNTN X có nội dung: *Số tiền bên mua hàng Công ty B còn nợ bên bán DNTN X tính đến ngày 27/10/2011 là 172.584.355 đồng. Bên mua hàng cam kết trả cho bên bán chậm nhất đến hết ngày 30/9/2012. Thỏa thuận bên mua hàng phải có trách nhiệm trả hết cho bền bán hàng số tiền nợ trên, đồng thời phải trả thêm tiền lãi trả chậm như hợp đồng đã ký.*

Về các khoản nợ đã thanh toán: Trong quá trình tố tụng nguyên đơn và bị đơn cùng xác định đến nay Công ty B đã trả nhiều lần cho DNTN X được tổng số tiền 130.000.000 đồng.

Tại Điều 306 Luật thương mại quy định: *Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng, thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.*

Kết quả xác minh cho thấy, lãi suất cho vay trung bình của 03 ngân hàng trên địa bàn huyện Di Linh tại thời điểm hiện nay như sau: Ngân hàng Agribank 8,25%/năm; Ngân hàng Vietinbank 11%/năm; Ngân hàng BIDV có các mức lãi suất cho vay là 9,9%/năm, 10,1%/năm, 10,3%/năm, 10,5%/năm. Trung bình mức lãi suất cho vay của các ngân hàng là 10%/năm, tương ứng lãi suất quá hạn là 15%/năm tức 1,25%/tháng (Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn). Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ gốc 172.584.000 đồng và lãi chậm trả theo mức lãi suất

10,3/%năm tương ứng 1,025%/tháng tính trên số nợ gốc 172.584.000 đồng kể từ ngày 27/10/2011 đến nay với số tiền lãi 224.661.000 đồng, trừ đi 130.000.000 đồng đã trả vào khoản lãi nêu trên, yêu cầu Công ty B trả nợ gốc 172.584.000 đồng và tiền lãi chưa trả 94.661.000 đồng với tổng số tiền 267.245.000 đồng là phù hợp quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[4] Về án phí: Cần buộc bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm tính trên số tiền phải trả là 267.245.000 đồng x 5% = 13.362.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40, Điều 144, Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bô luật tố tụng dân sự; Điều 50 và Điều 306 Luật thương mại; khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa của ông Phạm Trung D– Chủ Doanh nghiệp tư nhân X. Buộc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai khoáng B phải trả cho ông Phạm Trung D số tiền 267.245.000 đồng (gồm 172.584.000 đồng nợ gốc và 94.661.000 đồng lãi chưa trả).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Buộc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai khoáng B phải chịu 13.362.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Phạm Trung D 8.725.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0001777 ngày 25/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Di Linh.

3. Nguyên đơn có mặt quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh LĐ;
- VKSND huyện Di Linh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS Di Linh;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Sỹ

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Sỹ